

BIỂU GIAO BỔ SUNG BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
KHỐI THCS

TT	Tên đơn vị	Tổng số trường	Số viên chức được giao	Số viên chức theo định mức của Bộ GD&ĐT	Số viên chức thiếu theo định mức	Tỷ lệ giao/ định mức	Số lượng giao bổ sung	Số lượng sau khi bổ sung	Tỷ lệ viên chức sau bổ sung/ định mức	Ghi chú
	Tổng số	599	26.154	31.316	5.162		1.033			
I	Nhóm 1									
1	Hoàng Mai	17	997	1.373	376	72,61%	145	1.142	83,18%	
2	Long Biên	24	1.014	1.380	366	73,48%	132	1.146	83,04%	
3	Hà Đông	19	1.142	1.470	328	77,69%	80	1.222	83,13%	
4	Cầu Giấy	10	679	929	250	73,09%	93	772	83,10%	
5	Bắc Từ Liêm	14	716	960	244	74,58%	83	799	83,23%	
6	Nam Từ Liêm	12	573	809	236	70,83%	100	673	83,19%	
7	Thanh Xuân	12	650	884	234	73,55%	85	735	83,17%	
8	Thanh Trì	17	933	1.159	226	80,50%	31	964	83,18%	
9	Mỹ Đức	23	768	974	206	78,85%	42	810	83,16%	
II	Nhóm 2									
1	Chương Mỹ	37	1.322	1.614	292	81,91%	54	1.376	85,25%	
2	Đông Anh	26	1.370	1.622	252	84,46%	19	1.389	85,64%	
3	Thường Tín	30	978	1.195	217	81,84%	44	1.022	85,52%	
4	Mê Linh	20	860	1.057	197	81,34%	44	904	85,50%	
5	Gia Lâm	17	982	1.162	180	80,50%	16	998	85,89%	
6	Thanh Oai	21	763	910	147	83,85%	15	778	85,49%	
7	Đan Phượng	16	629	759	130	82,87%	21	650	85,64%	
8	Tây Hồ	8	413	519	106	79,58%	29	442	85,16%	
III	Nhóm 3									
1	Hoài Đức	22	961	1.120	159	85,80%	0	961	85,80%	
2	Ứng Hòa	30	843	988	145	85,32%	0	843	85,32%	
3	Ba Vì	35	1.174	1.331	157	88,20%	0	1.174	88,20%	
4	Phú Xuyên	28	887	1.021	134	86,88%	0	887	86,88%	
5	Sóc Sơn	27	1.325	1.503	178	88,16%	0	1.325	88,16%	Điều hòa biên chế giữa khối mầm non và THCS
6	Sơn Tây	16	570	642	72	88,79%	0	570	88,79%	Điều hòa biên chế giữa khối mầm non và THCS
7	Hai Bà Trưng	15	794	880	86	90,23%	0	794	90,23%	
8	Phúc Thọ	22	788	858	70	91,80%	0	788	91,80%	
9	Thạch Thất	24	915	982	67	93,18%	0	915	93,18%	
10	Quốc Oai	22	818	871	53	93,94%	0	818	93,94%	
11	Đống Đa	16	932	966	34	96,48%	0	932	96,48%	
12	Hoàn Kiếm	7	521	539	18	96,66%	0	521	96,66%	
13	Ba Đình	12	837	839	2	99,76%	0	837	99,76%	